

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PH
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2022

Về việc: "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PH- TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tòa

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Xứng

Ông Phạm Văn Giới

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Ph, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Ph, tỉnh B: Bà Đỗ Thị Hường- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Ph, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2021/TLST- HN&GD ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18 ngày 30/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐHPT ngày 12/4/2022, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc C, sinh năm 1957.***

Trú tại: Ấp Cầu 2, xã T, huyện Đồng Ph, tỉnh B (có mặt).

****Bị đơn: Bà Đặng Thị Ph, sinh năm 1954***

Trú tại: Ấp Cầu 2, xã T, huyện Đồng Ph, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Khắc C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà Ph sống với với nhau một cách tự nguyện từ năm 1978 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng sống không có hạnh phúc mà thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã trong cuộc sống, đã ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay ông C xác định tình cảm mà ông C dành cho bà Ph đã thực sự hết, nếu cứ kéo dài cuộc hôn nhân giữa hai người thì cũng không còn ý nghĩa gì. Vì vậy, ông C yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho ông C được ly hôn với bà Ph.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung giữa ông C và bà Ph có 05 người con chung là Nguyễn Hồng S, sinh năm 1979; Nguyễn Tất Thành, sinh năm 1981; Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989 và Nguyễn Quốc H, sinh năm 1991. Do các con trên 18 tuổi và đã có gia đình nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông C và bà Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Toà phiên toà, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

* Bị đơn bà Đặng Thị Ph trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Ph và ông C sống với với nhau một cách tự nguyện từ năm 1978 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên mâu thuẫn không nhiều, nay bà Ph vẫn còn tình cảm với ông C nên không đồng ý ly hôn, bà Ph mong muốn được đoàn tụ với ông C vì đã lớn tuổi, có cháu nội, cháu ngoại rất nhiều.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Quá trình chung giữa ông C và bà Ph có 05 người con chung là Nguyễn Hồng S, sinh năm 1979; Nguyễn Tất Thành, sinh năm 1981; Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989 và Nguyễn Quốc H, sinh năm 1991. Do các con đã lớn và có gia đình nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Ph và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

* *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục nhận đơn và thụ lý giải quyết vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông C và bị đơn bà Ph chung sống với nhau từ năm 1978 không đăng ký kết hôn theo quy định đây theo quy định tại Điều 3a Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và hướng dẫn tại mục 1, Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP thì đây là hôn nhân thực tế được xác lập trước ngày 03/01/1987 được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được vài năm đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, tại phiên tòa đã được hòa giải nhưng cả hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung, nhận thấy vợ chồng ông C và bà Ph mâu thuẫn trầm trọng nên không thể hòa giải đoàn tụ được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

+ Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung giữa ông C và bà Ph có 05 người con chung là Nguyễn Hồng S, sinh năm 1979; Nguyễn Tất Thành, sinh năm 1981; Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989 và Nguyễn Quốc H, sinh năm 1991. Do các con lớn trên 18 tuổi và đã có gia đình nên ông C và bà Ph không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị không xem xét.

+ Đối với tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Viện kiểm sát, các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Khắc C yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Đặng Thị Ph. Đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là bà Đặng Thị Ph hiện cư trú tại: Ấp Cầu 2, xã T, huyện Đồng Ph, tỉnh B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Ph, tỉnh B.

Về yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà Ph chung sống chung với nhau không đăng ký kết hôn. Xét thấy, ông C và bà Ph chung sống với nhau một cách tự nguyện từ năm 1978, xây dựng gia đình và cùng nhau có 5 người con chung nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đây là hôn thực tế được pháp luật thừa nhận, được quy định tại 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống thì giữa ông C và bà Ph sống với nhau không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, dẫn đến thường hay cãi vã, làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt, cãi vã và đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng ông C vẫn cương quyết ly hôn, không chấp nhận đoàn tụ với bà Ph. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa ông C và bà Ph lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông C yêu cầu ly hôn với bà Ph là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa ông C và bà Ph có 05 người con chung là Nguyễn Hồng S, sinh năm 1979; Nguyễn Tất Thành, sinh năm 1981; Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989 và Nguyễn Quốc H, sinh năm 1991. Do các con đã lớn trên 18 tuổi và có gia đình nên không yêu cầu giải quyết, do đó không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 85, 87, 89, 91 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Khắc C.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Khắc C được ly hôn với bà Đặng Thị Ph.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Do ông C là người cao tuổi nên được miễn án phí, Chi cục THADS huyện Đồng Ph trả lại cho ông C số tiền đã tạm ứng 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0018642 ngày 28/12/2021.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tòa

